

I. □ LISTENING. (2.0 pts)**PART ONE: (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.**

- | | |
|----------------------------------|--------------------------|
| 1. B. Football | 2. C. In the garden |
| 3. B. In the skirt and a T-shirt | 4. A. Painting a picture |

PART TWO: (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|------------|---------|------------|---------|
| 1. 9/ nine | 2. Page | 3. 10/ ten | 4. Bill |
|------------|---------|------------|---------|

II. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|---------------|-------------------|----------------------|---------------------|
| 1. C. promise | 2. A. <u>does</u> | 3. B. <u>thought</u> | 4. D. <u>cooked</u> |
|---------------|-------------------|----------------------|---------------------|

III. (2.0 pts) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|------------|-----------------|-----------|------------------------|
| 1. A. work | 2. B. has lived | 3. C. had | 4. B. would leave |
| 5. D. foot | 6. C. so | 7. B. on | 8. A. Yes, I'd love to |

IV. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|----------|---------|---------------|------------------|
| 1. going | 2. knew | 3. have built | 4. Did you sleep |
|----------|---------|---------------|------------------|

V. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|-------------|---------|---------|---------|
| 1. recently | 2. than | 3. many | 4. done |
|-------------|---------|---------|---------|

VI. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | |
|---|------|
| 1. T | 2. F |
| 3. C. We will have considerable difficulties. | |
| 4. D. It takes years. | |

VII. (1.0 pt) – 0.5 point for each correct answer.

- | |
|---|
| 1. My teacher asked me where I lived. |
| 2. We haven't seen our grandfather for two/ 2 months. |

VIII. (1.0 pt)

Tiêu chí	Mô tả chi tiết các tiêu chí	Điểm
Cấu trúc	Đúng cấu trúc của đoạn văn, phù hợp với chủ đề: Có câu chủ đề (Topic sentence); các ý minh họa (Supporting sentences/ ideas, từ 2 supporting sentences/ ideas trở lên); và câu kết luận (Concluding sentence).	0.25
Nội dung	- Viết đúng chủ đề, các ý minh họa rõ ràng, có tính thuyết phục. - Viết logic, hợp lí; mạch lạc, rõ ràng	0.25
Ngôn ngữ	- Viết đúng cấu trúc ngữ pháp; sử dụng các liên từ hợp lý để liên kết các ý trong đoạn - Sử dụng từ vựng phù hợp, phong phú, hạn chế lặp lại từ vựng	0.25
Trình bày	- Viết đủ số từ theo quy định - Không xuống dòng	0.25
Tổng điểm		1
Cách tính lỗi (trừ điểm)		
- 2 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu,.....:		0,25
- 4 Mỗi lỗi từ vựng		0,25
- Viết ít hơn số từ quy định		0.25

I. □ LISTENING. (2.0 pts)**PART ONE: (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.**

- | | |
|----------------------------------|--------------------------|
| 1. B. Football | 2. C. In the garden |
| 3. B. In the skirt and a T-shirt | 4. A. Painting a picture |

PART TWO: (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|------------|---------|------------|---------|
| 1. 9/ nine | 2. Page | 3. 10/ ten | 4. Bill |
|------------|---------|------------|---------|

II. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|---------------|-------------------|----------------------|---------------------|
| 1. C. promise | 2. A. <u>does</u> | 3. B. <u>thought</u> | 4. D. <u>cooked</u> |
|---------------|-------------------|----------------------|---------------------|

III. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | |
|---|------|
| 1. T | 2. F |
| 3. C. We will have considerable difficulties. | |
| 4. D. It takes years. | |

IV. (1.0 pt) – 0.5 point for each correct answer.

- | |
|---|
| 1. My teacher asked me where I lived. |
| 2. We haven't seen our grandfather for two/ 2 months. |

V. (2.0 pts) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|------------|-----------------|-----------|------------------------|
| 1. A. work | 2. B. has lived | 3. C. had | 4. B. would leave |
| 5. D. foot | 6. C. so | 7. B. on | 8. A. Yes, I'd love to |

VI. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|----------|---------|---------------|------------------|
| 1. going | 2. knew | 3. have built | 4. Did you sleep |
|----------|---------|---------------|------------------|

VII. (1.0 pt) – 0.25 point for each correct answer.

- | | | | |
|-------------|---------|---------|---------|
| 1. recently | 2. than | 3. many | 4. done |
|-------------|---------|---------|---------|

VIII. (1.0 pt)

Tiêu chí	Mô tả chi tiết các tiêu chí	Điểm
Cấu trúc	Đúng cấu trúc của đoạn văn, phù hợp với chủ đề: Có câu chủ đề (Topic sentence); các ý minh họa (Supporting sentences/ ideas, từ 2 supporting sentences/ ideas trở lên); và câu kết luận (Concluding sentence).	0.25
Nội dung	- Viết đúng chủ đề, các ý minh họa rõ ràng, có tính thuyết phục. - Viết logic, hợp lí; mạch lạc, rõ ràng	0.25
Ngôn ngữ	- Viết đúng cấu trúc ngữ pháp; sử dụng các liên từ hợp lý để liên kết các ý trong đoạn - Sử dụng từ vựng phù hợp, phong phú, hạn chế lặp lại từ vựng	0.25
Trình bày	- Viết đủ số từ theo quy định - Không xuống dòng	0.25
Tổng điểm		1
Cách tính lỗi (trừ điểm)		
- 2 Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu,....:		0,25
- 4 Mỗi lỗi từ vựng		0,25
- Viết ít hơn số từ quy định		0.25

